

Số: 04 /QĐ-THCS

Kim Sơn, ngày 12 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-PGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán ngân sách năm 2020 (Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ ngân sách năm 2020);

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 04 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều phê duyệt điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-PGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020 (nguồn không tự chủ năm 2020);

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-PGDĐT ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao bổ sung dự toán chi hỗ trợ dạy bơi, dọn vệ sinh bể bơi hà năm 2020 (nguồn không tự chủ năm 2020);

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-PGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều phê duyệt Bổ sung dự toán chi ngân sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa, giáo viên dạy trẻ khuyết tật kỳ II năm học 2019-2020 và kỳ I năm học 2020-2021;

Căn cứ tình hình thực hiện thu - chi nguồn ngân sách Nhà nước năm 2020 của trường THCS Kim Sơn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của Trường THCS Kim Sơn (theo biểu mẫu 04 ngày 12 tháng 01 năm 2021).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đặng Thị Thảo

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG THCS KIM SƠN**

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-THCS ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng trường THCS Kim Sơn)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
I	Quyết toán thu	715.371.998	715.371.998	0	
A	Tổng số thu	715.371.998	715.371.999	1	
1	Học phí	206.160.000	206.160.000	0	
2	Tiền trông giữ phương tiện giao thông	50.625.000	50.625.000		
3	Tiền học kỹ năng sống	24.480.000	24.480.001	1	
4	Tiền học tiếng anh với người nước ngoài	176.960.000	176.960.000	0	
5	Tiền học thêm buổi 2	129.024.000	129.024.000	0	
6	Chăm sóc sức khỏe ban đầu + BH y tế học sinh	17.898.998	17.898.998	0	
7	Tiền bảo hành công trình, XHH sân cỏ	110.224.000	110.224.000	0	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	715.371.998	715.371.998	0	
1	Học phí	206.160.000	206.160.000	0	
2	Tiền trông giữ phương tiện giao thông	50.625.000	50.625.000	0	
3	Tiền học kỹ năng sống	24.480.000	24.480.000	0	
4	Tiền học tiếng anh với người nước ngoài	176.960.000	176.960.000	0	
5	Tiền học thêm buổi 2	129.024.000	129.024.000	0	
6	Chăm sóc sức khỏe ban đầu + BH y tế học sinh	17.898.998	17.898.998	0	
7	Tiền bảo hành công trình, XHH sân cỏ	110.224.000	110.224.000	0	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.423.353.200	3.423.353.200	0	
1	Chi thường xuyên	3.307.000.000	3.307.000.000	0	
1.1.1	Chi thanh toán cho cá nhân	2.645.444.299	2.645.444.299	0	
	Mục 6000: Tiền lương	1.344.554.476	1.344.554.476	0	
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	77.072.099	77.072.099	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	694.447.817	694.447.817	0	
	Mục 6200: Tiền thưởng	10.800.000	10.800.000	0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	3.555.000	3.555.000	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	411.992.340	411.992.340	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	103.022.567	103.022.567	0	
1.1.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	626.619.601	626.619.601	0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	74.719.937	74.719.937	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	82.411.000	82.411.000	0	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	20.208.000	20.208.000	0	
	Mục 6650: Hội nghị	-	-	0	
	Mục 6700: Công tác phí	61.300.000	61.300.000	0	

	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	62.222.400	62.222.400	0	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	160.259.500	160.259.500	0	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn			0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	146.398.764	146.398.764	0	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	19.100.000	19.100.000	0	
1.1.3	Các khoản chi khác	34.936.100	34.936.100	0	
	Mục 7750: Chi khác	34.936.100	34.936.100	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	116.353.200	116.353.200	0	
	Mục 6000: Tiền lương	14.393.200	14.393.200	0	
	Mục 6150: học bổng và hỗ trợ khác cho HS, SV, CB đi học	12.460.000	12.460.000	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	9.500.000	9.500.000	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	41.600.000	41.600.000	0	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	38.400.000	38.400.000	0	

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Thảo